

# THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM CHÈ, CAO SU

(Quý I, năm 2023)

## 1. Sản phẩm chè

### 1.1. Tình hình xuất khẩu chè của Việt Nam

- Về thị trường xuất khẩu chè của Việt Nam: Trong quý I/2023, mặt hàng chè của Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất tới khu vực châu Á (Trung Quốc, Ả rập Xê Út và Ấn Độ), chiếm 83,3% tổng trị giá xuất khẩu chè, tăng 4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2022 với 29,2 triệu USD, tăng 1,7% so với quý I/2022; xuất khẩu sang Nga, Hoa Kỳ giảm so với cùng kỳ năm 2022, cụ thể trị giá xuất khẩu chè tới Nga đạt 3,2 triệu USD, giảm 16,9% so với quý I/2022; trị giá xuất khẩu sang Hoa Kỳ đạt 1,4 triệu USD, giảm 51,9% so với quý I/2022.

- Về mặt hàng xuất khẩu: 2 mặt hàng chè xuất khẩu chính của Việt Nam là chè xanh và chè đen. Trong đó: Xuất khẩu chè xanh đạt 8,6 nghìn tấn, trị giá 16,5 triệu USD, giảm 9,5% về lượng và giảm 0,1% về giá trị so với quý I/2022, chè xanh xuất khẩu chủ yếu tới khu vực châu Á, với trị giá chiếm 96% tổng trị giá xuất khẩu chè xanh; xuất khẩu chè đen đạt 10,4 nghìn tấn, trị giá 14,3 triệu USD, giảm 13,9% về lượng và giảm 16,3% về giá trị so với quý I/2022, chè đen xuất khẩu nhiều nhất tới thị trường châu Á, với trị giá chiếm 72% tổng trị giá xuất khẩu chè đen.

- Về giá chè xuất khẩu của Việt Nam: Giá chè xuất khẩu bình quân những tháng đầu năm 2023 đạt 1.647 USD/tấn, giảm 1% so với cùng kỳ năm 2022.

### 1.2. Dung lượng 5 thị trường nhập khẩu chè lớn nhất thế giới và thị phần của Việt Nam

- **Pa-ki-xtan:** Theo cơ quan thống kê Pa-ki-xtan, năm 2022 nhập khẩu chè của Pa-ki-xtan đạt 238,8 nghìn tấn, trị giá 617,3 triệu USD, giảm 3,5% về lượng, nhưng tăng 9,4% về trị giá so với năm 2021. Giá chè nhập khẩu bình quân vào Pa-ki-xtan trong năm 2022 đạt 2.585,4 USD/tấn, tăng 13,4% so với năm 2021. Tính chung quý I/2023, trị giá nhập khẩu chè đạt 47,2 nghìn tấn, trị giá 116,1 triệu USD, giảm 30,3% về lượng và giảm 37,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021; giá chè nhập khẩu bình quân trong quý I/2023 đạt 2.459,3 USD/tấn, giảm 10,4% so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần nhập khẩu chè của Việt Nam chiếm 2% trong tổng trị giá nhập khẩu của Pa-ki-xtan.

- **Hồng Kông:** Theo cơ quan thống kê Hồng Kông, năm 2022 nhập khẩu chè của thị trường Hồng Kông đạt 19,2 nghìn tấn, trị giá 229,1 triệu USD, giảm 8,1% về lượng và giảm 11,7% về trị giá so với năm 2021; Giá chè nhập khẩu bình quân đạt 11.954 USD/tấn, giảm 4% so với năm 2021. Tính đến quý I/2023, nhập

khẩu chè của Hồng Kông đạt 3,7 nghìn tấn, trị giá 43 triệu USD, giảm 16,8% về lượng và giảm 22,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022; giá chè nhập khẩu bình quân trong quý I/2023 đạt 11.510 USD/tấn, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần nhập khẩu chè của Việt Nam chiếm 2,4% trong tổng trị giá nhập khẩu của Hồng Kông.

- **EU** là thị trường nhập khẩu chè lớn nhất trên toàn cầu. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat), năm 2022 nhập khẩu chè của EU đạt 279,4 nghìn tấn, trị giá 1,89 tỷ Eur (tương đương 2,07 tỷ USD), giảm 1,1% về lượng nhưng tăng 7,3% về trị giá so với năm 2021; giá chè nhập khẩu bình quân vào EU đạt 7.424,2 USD/tấn, tăng 8,5% so với năm 2021. Tháng 1/2023, nhập khẩu chè của EU đạt 21 nghìn tấn, trị giá 171,2 triệu USD, giảm 17,4% về lượng, nhưng tăng 3% về trị giá so với tháng 1/2022; Giá chè nhập khẩu bình quân đạt 8.135 USD/tấn, tăng 24,7% so với tháng 1/2022. Thị phần nhập khẩu chè của Việt Nam chiếm 0,2% trong tổng trị giá nhập khẩu của EU.

- **Hoa Kỳ:** Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, năm 2022 nhập khẩu chè của Hoa Kỳ đạt 121,5 nghìn tấn, trị giá 516,2 triệu USD, tăng 4,8% về lượng và tăng 2% về trị giá so với năm 2021; giá chè nhập khẩu bình quân đạt 4.249,3 USD/tấn, giảm 2,6% so với năm 2021. Trong 2 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu chè của Hoa Kỳ đạt 16,3 nghìn tấn, trị giá 72,8 triệu USD, tăng 9,4% về lượng và tăng 1,5% về trị giá so với năm 2022; giá chè nhập khẩu bình quân đạt 4.462,8 USD/tấn, giảm 7,3% so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần nhập khẩu chè của Việt Nam chiếm 1,2% trong tổng trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ.

- **Anh:** Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu chè của Anh trong năm 2022 đạt 116,9 nghìn tấn, trị giá 356,5 triệu USD, tăng 7,8% về lượng và tăng 15,7% về trị giá so với năm 2021. Giá chè nhập khẩu bình quân của Anh đạt 3.049,7 USD/tấn, tăng 7,4% so với năm 2021. 2 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu chè của Anh đạt 49,7 triệu USD, giảm 22,6% so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần nhập khẩu chè của Việt Nam chiếm 0,4% trong tổng trị giá nhập khẩu của Anh.

*\* Giá chè nhập khẩu từ các thị trường chính trên thế giới đều ở mức cao, tuy nhiên giá chè xuất khẩu của Việt Nam chỉ ở mức thấp, bởi nguyên liệu chè cung cấp cho các nhà máy chế biến chủ yếu từ các giống chè có chất lượng thấp. Do đó, để đẩy mạnh xuất khẩu chè sang các thị trường lớn có nhu cầu cao cần tập trung nâng cao năng suất, chất lượng thông qua chuyển đổi các giống chè cũ sang các giống chè mới, đáp ứng đúng nhu cầu thị trường.*

## Tổng hợp 5 thị trường chính nhập khẩu chè trên thế giới và thị phần của Việt Nam

Thị trường	Năm 2022		Năm 2023					
	Tổng nhập khẩu (nghìn USD)	Thị phần của Việt Nam (%)	Tổng nhập khẩu (nghìn USD)				Lũy kế năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)	Thị phần của Việt Nam (%)
			Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Lũy kế năm 2023		
EU	2.074.482	0,2	171.196			171.196	3,0	0,2
Pa-ki-xtan	617.324	1,3	45.022	32.679	38.441	116.142	-37,6	2,0
Hoa Kỳ	516.224	1,9	36.695	36.136	72.831	72.831	1,5	1,2
Anh	356.470	0,5	31.823	17.830		49.653	-22,6	0,4
Hồng Kông	229.149		15.507	15.582	11.895	42.985	-22,9	2,4

*Nguồn: Eurostat, Cơ quan thống kê Pa-ki-xtan, Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, ITC; Cơ quan thống kê Hồng Kông (Tỷ giá 1 Eur = 1,1 USD; 1 USD = 7,85 HKD)*

## 2. Sản phẩm Cao su

### 2.1. Thị trường thế giới

- Quý I/2023, giá cao su tại các sàn giao dịch chủ chốt tại châu Á biến động mạnh. Sau khi tăng mạnh trong tháng 1/2023, giá cao su có xu hướng giảm trở lại cho đến cuối quý I/2023 do những bất ổn trên thị trường tài chính toàn cầu. Các cuộc khủng hoảng ngân hàng tại Hoa Kỳ và EU phủ bóng đen lên triển vọng kinh tế toàn cầu, làm dấy lên lo ngại nhu cầu cao su trong sản xuất và tiêu dùng giảm, gây áp lực lên giá sản phẩm. Ngoài ra, các hoạt động sản xuất tại các nước tiêu thụ cao su lớn như Trung Quốc và Nhật Bản vẫn chưa thực sự hồi phục khiến xu hướng giá cao su trên thị trường chưa ổn định. Đến nửa cuối tháng 4/2023, giá cao su tại các sàn giao dịch chủ chốt tại châu Á có xu hướng phục hồi nhẹ do lo ngại thiếu hụt nguồn cung.

- Theo Hiệp hội Các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), trong năm 2023, sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu dự báo đạt khoảng 14,916 triệu tấn, tiêu thụ dự kiến đạt 14,912 triệu tấn. Các dữ liệu đều cho thấy, cán cân cung - cầu trên thị trường cao su thế giới nhiều khả năng sẽ nghiêng về thiếu hụt nguồn cung. Đây sẽ là yếu tố quan trọng thúc đẩy đà tăng cho giá cao su ngay trong quý II/2023. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, nền kinh tế thế giới vẫn cần thêm thời gian để ổn định trở lại sau cú sốc của ngành ngân hàng hồi tháng 3/2023. Thêm vào đó, hoạt động sản xuất tại Trung Quốc chưa thực sự hồi phục

như dự đoán. Do đó, nhìn chung, giá cao su thế giới sẽ đối mặt những sức ép nhất định.

## **2.2. Thị trường trong nước**

- Trong quý I/2023, giá mủ cao su nguyên liệu trên cả nước không có nhiều biến động. Diễn biến giá cao su trong nước cùng chiều với xu hướng giá thế giới, tuy nhiên xu hướng giá yếu hơn khá nhiều so với giá niêm yết trên các sở giao dịch hàng hóa lớn trên thế giới. Trong khi đó, giá năng lượng tăng kéo theo chi phí logistics tăng cũng là một yếu tố gây sức ép lên xuất khẩu cao su giai đoạn đầu năm.

- Trong tháng 4/2023, giá mủ cao su nguyên liệu trên cả nước không có biến động. Trong đó, giá mủ nước tại Bình Phước và Đồng Nai giữ ở mức 270-280 đồng/TSC; Tại Đắk Lắk, Phú Yên, Quảng Trị giao dịch ở mức 250 đồng/TSC; còn ở các vùng nguyên liệu khác, giá cao su ghi nhận trong khoảng 225 - 240 đồng/TSC.

## **2.3. Tình hình xuất khẩu cao su của Việt Nam quý I năm 2023**

- Trong quý I/2023, xuất khẩu cao su của Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi giá bán và sản lượng đều suy giảm do lạm phát cao và nhu cầu thấp. Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong quý I/2023, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 381,78 nghìn tấn, trị giá 531,3 triệu USD, giảm 6,1% về lượng và giảm 25,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

- Về thị trường xuất khẩu: Trong quý I/2023, cao su của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang khu vực châu Á, đạt 346,04 nghìn tấn, trị giá 480,04 triệu USD, giảm 2,8% về lượng và giảm 23,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trung Quốc vẫn là thị trường lớn nhất tiêu thụ cao su của Việt Nam với 292,61 nghìn tấn, trị giá 397 triệu USD, tăng 4,4% về lượng, nhưng giảm 17,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022; thứ hai là Ấn Độ với 17,32 nghìn tấn, trị giá 24,73 triệu USD, giảm 39,8% về lượng và giảm 52,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

- Về chủng loại xuất khẩu: Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS 400280) là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 67,19% về lượng và chiếm 67,19% về trị giá trong tổng xuất khẩu cao su, với 259,47 nghìn tấn, trị giá 357 triệu USD, tăng 3,4% về lượng, nhưng giảm 18,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

- Về giá xuất khẩu: Trong quý I/2023, giá xuất khẩu bình quân hầu hết các chủng loại cao su của Việt Nam đều giảm so với cùng kỳ năm 2022, trong đó giảm mạnh nhất là: SVR 10 đạt 1.380 USD/tấn, giảm 23,8%; RSS1 đạt 1.591

USD/tấn, giảm 22,4%; RSS3 đạt 1.525 USD/tấn, giảm 21,8%; Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS 400280) đạt 1.376 USD/tấn, giảm 21,1%...

#### **2.4. Dung lượng thị trường của 5 thị trường nhập khẩu cao su lớn và thị phần của Việt Nam**

- **Trung Quốc:** Hiện Trung Quốc là quốc gia nhập khẩu cao su lớn nhất thế giới, chiếm 22% thị phần toàn cầu. Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý I/2023, Trung Quốc nhập khẩu 2,09 triệu tấn cao su, với trị giá 3,1 tỷ USD, tăng 9,5% về lượng, nhưng giảm 13,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, do giá cao su giảm mạnh. Trong đó, nhập khẩu cao su của Trung Quốc từ Việt Nam đạt 416,52 nghìn tấn, trị giá 562,66 triệu USD, tăng 15,2% về lượng, nhưng giảm 9,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần cao su Việt Nam chiếm 18,11% trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc, tăng so với mức 17,34% của cùng kỳ năm 2022. Thời gian tới, việc Trung Quốc mở cửa sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ cao su của nước này, tạo điều kiện để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu.

- **EU:** Việt Nam vẫn chỉ đứng thứ 4 trong số các nước ASEAN về thị phần cao su tại EU. Thời gian qua, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường EU gặp nhiều trở ngại do đồng USD có nhiều biến động, ngành công nghiệp ô tô, đặc biệt là tại châu Âu đang chịu ảnh hưởng bởi lạm phát cao, sức cầu tiêu dùng suy yếu. Nhu cầu nhập khẩu cao su của EU trong năm 2023 rất lớn, tuy nhiên thị trường này cũng đòi hỏi nghiêm ngặt về chất lượng sản phẩm nên các doanh nghiệp cần nghiên cứu các tiêu chuẩn kỹ thuật của EU đối với sản phẩm cao su. Ví dụ như quy định về gắn mác CE, tính an toàn sản phẩm, ghi nhãn, đóng gói, và đặc biệt là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

- **Hoa Kỳ:** Trong quý I năm 2023, Hoa Kỳ nhập khẩu 572 triệu USD cao su từ Việt Nam; thị phần cao su Việt Nam chiếm 1,36% trong tổng trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ.

- **Ấn Độ:** Trong quý I năm 2023, Ấn độ nhập khẩu 299 triệu USD cao su từ Việt Nam; thị phần cao su Việt Nam chiếm 3,81% trong tổng trị giá nhập khẩu của Ấn Độ.

**Tổng hợp 5 thị trường nhập khẩu cao su lớn nhất thế giới năm 2022  
và các tháng đầu năm 2023**

Thị trường	Năm 2022		Năm 2023					
	Tổng nhập khẩu (triệu USD)	Thị phần của Việt Nam (%)	Tổng nhập khẩu (triệu USD)				Lũy kế so với cùng kỳ năm 2022 (%)	Thị phần của Việt Nam (%)
			Tháng 1/2023	Tháng 2/2023	Tháng 3/2023	Lũy kế năm 2023		
Trung Quốc	13.387	17,36	973	1.026	1.107	3.106	-13,4	18,11
EU	12.888	1,33	1.145			1.145	0,5	0,97
Hoa Kỳ	5.285	1,38	285	288		572	-23,8	1,36
Ma-lai-xi-a	2.747	0,69	-					
Ấn Độ	2.726	9,48	164	135		299	-29,4	3,81

Nguồn: ITC, Eurostat, Cơ quan Hải quan Trung Quốc, Bộ Thương mại Ấn Độ  
(Tỷ giá 1 EUR=1,1035 USD)